

PHỤ LỤC 1
TIÊU CHUẨN XẾP HẠNG
CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

(Ban hành kèm Thông tư số /2024/TT-BYT ngày / /2024 của Bộ Y tế)

I	Nhóm tiêu chuẩn I: Vị trí, chức năng, nhiệm vụ	10 điểm
1	Vị trí chức năng, chỉ đạo kỹ thuật	4 điểm
1.1	Phạm vi quốc gia, khu vực (vùng, miền)	4 điểm
1.2	Phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, ngành	3 điểm
1.3	Phạm vi quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương	2 điểm
2	Đào tạo	3 điểm
2.1	Tham gia, thực hiện đào tạo thực hành trình độ đại học và sau đại học lĩnh vực sức khỏe	3 điểm
2.2	Tham gia, thực hiện đào tạo thực hành trình độ cao đẳng lĩnh vực sức khỏe	2 điểm
2.3	Tham gia, thực hiện đào tạo bồi dưỡng, đào tạo liên tục	1 điểm
3	Nghiên cứu khoa học	3 điểm
3.1	Tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Quốc gia	3 điểm
3.2	Chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoặc sáng kiến cấp Bộ, Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương đã được cơ quan có thẩm quyền nghiệm thu và xếp loại đạt trở lên.	2 điểm
3.3	Chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Cơ sở đã được cơ quan có thẩm quyền nghiệm thu và xếp loại đạt trở lên.	1 điểm
II	Nhóm tiêu chuẩn II: Quy mô và nội dung hoạt động	15 điểm
1	Điểm đánh giá chất lượng bệnh viện trung bình 2 năm liền kề năm đánh giá xếp hạng đơn vị	6 điểm
1.1	Đạt từ 4,0 điểm trở lên	6 điểm
1.2	Đạt từ 3,2 điểm đến dưới 4,0	5 điểm
1.3	Đạt từ 2,5 đến dưới 3,2 điểm	3 điểm
1.4	Dưới 2,5 điểm	2 điểm
2	Số giường được cấp có thẩm quyền giao	4 điểm
2.1	Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	
a)	Từ 1000 giường trở lên	4 điểm
b)	Từ 500 giường đến dưới 1000 giường	3 điểm
c)	Từ 300 giường đến dưới 500 giường	2 điểm
d)	Dưới 300 giường	1 điểm
2.2	Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa	
a)	Từ 400 giường trở lên	4 điểm
b)	Từ 300 giường đến dưới 400 giường	3 điểm
c)	Từ 200 giường đến dưới 300 giường	2 điểm
d)	Dưới 200 giường	1 điểm

3	Công suất sử dụng giường bệnh tính theo giường bệnh được cấp có thẩm quyền giao trung bình 2 năm liền kề năm đánh giá xếp hạng đơn vị	3 điểm
3.1	Đạt từ 95%	3 điểm
3.2	Đạt từ 80% đến dưới 95%	2 điểm
3.3	Đạt từ 60% đến dưới 80%	1 điểm
3.4	Dưới 60%	0 điểm
5	Tỷ lệ người bệnh nội trú thuộc đối tượng chăm sóc cấp một trung bình 2 năm liền kề năm đánh giá xếp hạng đơn vị	2 điểm
5.1	Từ 20% số người bệnh nội trú trở lên	2 điểm
5.2	Từ 15% đến dưới 20% số người bệnh nội trú	1,5 điểm
5.3	Từ 10% đến dưới 15% số người bệnh nội trú	1 điểm
5.4	Dưới 10% số người bệnh nội trú	0,5 điểm
III	Nhóm tiêu chuẩn III: Nhân lực (số liệu tính tại thời điểm đề nghị xếp hạng)	20 điểm
1	Bảo đảm số lượng người làm việc tại các vị trí việc làm nhóm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành y tế và liên quan chiếm tỷ lệ tối thiểu 65% tổng số lượng người làm việc của đơn vị	3 điểm
2	Các trưởng khoa và phó trưởng khoa	5 điểm
2.1	Từ 60% trở lên có trình độ tiến sĩ, chuyên khoa II	5 điểm
2.2	Từ 40% đến dưới 60% có trình độ tiến sĩ, chuyên khoa II	4 điểm
2.3	Từ 20% đến dưới 40% có trình độ tiến sĩ, chuyên khoa II	3 điểm
2.4	Dưới 20% có trình độ tiến sĩ, chuyên khoa II	2 điểm
3	Điều dưỡng trưởng, hộ sinh trưởng, kỹ thuật y trưởng các khoa lâm sàng	5 điểm
3.1	Từ 60% trở lên có trình độ sau đại học	5 điểm
3.2	Từ 30% đến dưới 60% có trình độ sau đại học	4 điểm
3.3	Từ 10% đến dưới 30% có trình độ sau đại học	3 điểm
3.4	Dưới 10% có trình độ sau đại học	2 điểm
4	Bác sĩ điều trị ở các khoa lâm sàng	7 điểm
4.1	Từ 50% trở lên có trình độ chuyên khoa I và tương đương	7 điểm
4.2	Từ 40% đến dưới 50% có trình độ chuyên khoa I và tương đương	5 điểm
4.3	Từ 20% đến dưới 40% có trình độ chuyên khoa I và tương đương	3 điểm
4.4	Dưới 20% có trình độ chuyên khoa I và tương đương	1 điểm
IV	Nhóm tiêu chuẩn IV: Khả năng chuyên môn (số liệu tính tại thời điểm đề nghị xếp hạng)	40 điểm
1	Các kỹ thuật chuyên khoa mà bệnh viện được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại đặc biệt (trừ danh mục bệnh viện không có chuyên khoa)	10 điểm
1.1	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại đặc biệt đạt từ 95% trở lên trên tổng số danh mục kỹ thuật của Bộ Y tế quy định cho chuyên khoa đó	10 điểm

1.2	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại đặc biệt đạt $\geq 70\%$ đến $< 95\%$ trên tổng số danh mục kỹ thuật của Bộ Y tế quy định cho chuyên khoa đó	8 điểm
1.3	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại đặc biệt đạt $\geq 50\%$ đến $< 70\%$ trên tổng số danh mục kỹ thuật của Bộ Y tế quy định cho chuyên khoa đó	7 điểm
1.4	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại đặc biệt đạt $< 50\%$ trên tổng số danh mục kỹ thuật của Bộ Y tế quy định cho chuyên khoa đó	6 điểm
2	Các kỹ thuật chuyên khoa mà bệnh viện được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại I (trừ danh mục bệnh viện không có chuyên khoa)	10 điểm
2.1	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại I đạt từ 95% trở lên trên tổng số danh mục kỹ thuật của Bộ Y tế quy định cho chuyên khoa đó	10 điểm
2.2	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại I đạt $\geq 70\%$ đến $< 95\%$ trên tổng số danh mục kỹ thuật của Bộ Y tế quy định cho chuyên khoa đó	8 điểm
2.3	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại I đạt $\geq 50\%$ đến $< 70\%$ trên tổng số danh mục kỹ thuật của Bộ Y tế quy định cho chuyên khoa đó	7 điểm
2.4	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại I đạt $< 50\%$ trên tổng số danh mục kỹ thuật của Bộ Y tế quy định cho chuyên khoa đó	6 điểm
3	Các kỹ thuật chuyên khoa mà bệnh viện được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại II (trừ danh mục bệnh viện không có chuyên khoa; trừ các kỹ thuật đã có phương pháp hiện đại thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại I và đặc biệt thay thế)	10 điểm
3.1	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại II từ 95% trở lên trên tổng số danh mục kỹ thuật của Bộ Y tế quy định cho chuyên khoa đó	10 điểm
3.2	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại II đạt $\geq 70\%$ đến $< 95\%$ trên tổng số danh mục kỹ thuật của Bộ Y tế quy định cho chuyên khoa đó	8 điểm
3.3	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại II đạt $\geq 50\%$ đến $< 70\%$ trên tổng số danh mục kỹ thuật của Bộ Y tế quy định cho chuyên khoa đó	7 điểm

3.4	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại II đạt < 50% trên tổng số danh mục kỹ thuật của Bộ Y tế quy định cho chuyên khoa đó	6 điểm
4	Các kỹ thuật chuyên khoa mà bệnh viện được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại III (trừ danh mục bệnh viện không có chuyên khoa; trừ các kỹ thuật đã có phương pháp hiện đại thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại I, II và đặc biệt thay thế)	10 điểm
4.1	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại III đạt từ 95% trở lên trên tổng số danh mục kỹ thuật của Bộ Y tế quy định cho chuyên khoa đó	10 điểm
4.2	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại III đạt $\geq 70\%$ đến < 95% trên tổng số danh mục kỹ thuật của Bộ Y tế quy định cho chuyên khoa đó	8 điểm
4.3	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại III đạt $\geq 50\%$ đến < 70% trên tổng số danh mục kỹ thuật của Bộ Y tế quy định cho chuyên khoa đó	7 điểm
4.4	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại III đạt < 50% trên tổng số danh mục kỹ thuật của Bộ Y tế quy định cho chuyên khoa đó	6 điểm
V	Nhóm tiêu chuẩn V: Cơ sở hạ tầng, thiết bị (số liệu tính tại thời điểm đề nghị xếp hạng)	15 điểm
1	Cơ sở hạ tầng	
1.1	Kiến trúc theo tiêu chuẩn xây dựng	1 điểm
1.2	Có phân vị trí các khu vực chức năng đảm bảo dây chuyền hoạt động của cơ sở: Khu hành chính, các đơn vị chức năng (làm việc về hành chính); Khu kỹ thuật nghiệp vụ (xét nghiệm/kho chuyên dụng ...); Khu tiếp đón, dịch vụ (tiếp đón 1 cửa, cấp mẫu xét nghiệm, khám đa khoa, chuyên khoa, ...)	0,5 điểm
1.3	Môi trường, cảnh quan xanh, sạch, đẹp, có bảng biển chỉ dẫn rõ ràng thuận tiện cho cá nhân, đơn vị đến liên hệ công tác, sử dụng dịch vụ	0,5 điểm
1.4	Đường giao thông nội bộ bảo đảm thuận tiện cho cấp cứu vận chuyển người bệnh, phòng cháy chữa cháy, phân luồng giao thông rõ ràng mạch lạc	1 điểm
1.5	Khu kỹ thuật (phòng mổ, hồi sức, phòng đẻ, phòng thực hiện các thủ thuật, kỹ thuật, phòng X-quang,...) đáp ứng các tiêu chuẩn hiện hành	1 điểm
1.6	Có hệ thống điện đảm bảo các tiêu chuẩn và công suất sử dụng (có hệ thống an toàn điện cho các thiết bị y tế, lộ cấp điện ưu tiên, máy phát điện dự phòng, hệ thống lưu điện)	1 điểm

1.7	Có hệ thống xử lý chất thải rắn, lỏng, khí toàn bệnh viện đang hoạt động hoặc có hợp đồng xử lý chất thải rắn, lỏng, khí bảo đảm đủ tiêu chuẩn theo quy định	0,5 điểm
1.8	Ứng dụng công nghệ thông tin toàn bệnh viện phục vụ công tác chuyên môn, quản lý, thống kê để nâng cao hiệu quả công việc	1 điểm
2	Máy móc, thiết bị	
2.1	Danh mục thiết bị y tế tại đơn vị đầy đủ, đáp ứng theo danh mục kỹ thuật được phê duyệt tại đơn vị	0,5 điểm
2.2	Máy móc, thiết bị chuyên dùng tại đơn vị phù hợp với quyết định phê duyệt tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của cơ quan có thẩm quyền	1 điểm
2.3	Tiện nghi khoa, buồng bệnh	
a)	Bảo đảm điều kiện và an toàn, tiện nghi tại các khoa buồng bệnh	0,5 điểm
b)	Phòng phẫu thuật và ICU có hệ thống khí sạch đảm bảo tiêu chuẩn theo công năng sử dụng. Phòng hồi sức cấp cứu, phòng đẻ, phòng phẫu thuật có phương tiện gọi trực cấp cứu khẩn cấp	0,5 điểm
2.4	Công tác quản lý về thiết bị y tế	
a)	Bệnh viện có bộ phận và nhân sự thực hiện nhiệm vụ quản lý về thiết bị y tế	1 điểm
b)	Có đầy đủ hồ sơ quản lý, theo dõi đối với thiết bị y tế tại đơn vị về: danh mục; sử dụng; kiểm tra; bảo dưỡng; sửa chữa; thay thế vật tư linh kiện; kiểm định, hiệu chuẩn	1 điểm
c)	Có quy chế quản lý, sử dụng, kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa, bảo quản thiết bị y tế tại đơn vị	1 điểm
d)	Thực hiện kiểm kê định kỳ hàng năm về thiết bị y tế	1 điểm
2.5	Công tác bảo dưỡng, sửa chữa, kiểm định máy móc, thiết bị chuyên dùng tại đơn vị	
a)	Có kế hoạch hàng năm và bố trí kinh phí về công tác bảo dưỡng, sửa chữa, kiểm định máy móc, thiết bị chuyên dùng trong toàn đơn vị	0,5 điểm
b)	Triển khai thực hiện công tác bảo dưỡng, sửa chữa, kiểm định máy móc, thiết bị chuyên dùng trong toàn đơn vị theo đúng kế hoạch đã phê duyệt	1 điểm
2.6	Có nhân sự thực hiện nhiệm vụ quản lý, thực hiện công tác chuyên môn kỹ thuật về thiết bị y tế được đào tạo liên tục, tập huấn, tham gia hội nghị, hội thảo lĩnh vực thiết bị y tế hàng năm	0,5 điểm